

Số: /BC-SNNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

**Thuyết minh về cơ sở đề xuất các chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy
Về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chính sách dân tộc
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/ĐU ngày 07/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh, thời gian hoàn thành trong quý I/2026.

Giai đoạn 2026 - 2030 là giai đoạn đầu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và Nghị quyết số 424/NQ-CP của Chính phủ; trên cơ sở kế thừa kết quả, thành tựu và bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Việc tổ chức thực hiện Chương trình trong giai đoạn này nhằm cụ thể hóa và triển khai đồng bộ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đã được ban hành, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động. Tuy nhiên, tỉnh ta sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Phát triển KTXH chưa thật sự bền vững; nhiều hạn chế, điểm nghẽn của những năm trước chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để; có đông đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường;... là yếu tố chủ yếu, tiềm ẩn tác động trực tiếp đến phát triển chung của tỉnh trong thời gian đến.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy Về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, theo đó đã đề xuất các chỉ tiêu của Nghị quyết tập trung các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình, như: tỷ lệ

xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại; tỷ lệ giảm nghèo đa chiều bền vững; thu nhập bình quân đầu của người dân ở nông thôn làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo thuyết minh về cơ sở đề xuất các chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, nhằm làm rõ căn cứ pháp lý và thực tiễn; sự cần thiết, tính hợp lý và khả thi của các chỉ tiêu phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu: Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

1.1. Kết quả thực hiện giai đoạn 2021–2025: 03 Chương trình mục tiêu quốc gia đã tạo nền tảng quan trọng về kết cấu hạ tầng, dịch vụ xã hội cơ bản, phát triển sinh kế, giảm nghèo và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt tại khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; qua đó tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục triển khai Chương trình trong giai đoạn 2026–2030, trong bối cảnh yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững ngày càng rõ nét.

Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) năm 2025 dự kiến đạt 52,5 triệu đồng/người/năm, tăng 50,1% so với năm 2020, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 8,5%/năm. Năng suất lao động xã hội (theo giá hiện hành) năm 2020 đạt 114,8 triệu đồng/lao động, đến năm 2025 ước đạt 184,8 triệu đồng/lao động, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 10%/năm. Theo giá so sánh 2010, năng suất lao động xã hội năm 2020 đạt 68,3 triệu đồng/lao động, đến năm 2025 ước đạt 91 triệu đồng/lao động, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 5,9%/năm (*Số liệu theo báo cáo số 152/BC-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

Theo số liệu tại Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh về kịch bản tăng trưởng, nhiệm vụ, giải pháp và đề xuất kiến nghị của tỉnh Quảng Ngãi để đạt tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 tăng 10%; trong đó, *“GRDP bình quân đầu người: Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt 115,5 triệu đồng/người (khoảng 4.460 USD)”*

Theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030; trong đó, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 *“Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm”*; đồng thời theo quy định tại Tiêu chí số 3.1 thuộc Tiêu chí số 3, Quyết định số 51/2025/QĐ-TTG ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ *“Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người từ 9,5-12%/năm”*.

Từ kết quả đạt được, mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 thì khả năng đạt chỉ tiêu *“Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước”*; cụ thể:

- Năm 2025 dự kiến đạt 52,5 triệu đồng/người/năm, tăng 50,1% so với năm 2020, như vậy tương đương năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt xấp xỉ **35 triệu đồng/người/năm**.

- Phân đầu đến năm 2030 tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020; tương đương đến năm 2030 thu nhập bình quân đầu người đạt **từ 87,5 triệu đồng/người/năm - 104 triệu đồng/người/năm**.

1.2. Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

2. Chỉ tiêu: *Phân đầu đến năm 2030, có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.*

2.1. Kết quả thực hiện Chương trình NTM: Trước khi sáp nhập, tính đến 30/6/2025, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) có 03 huyện đạt chuẩn NTM, có 98 xã đạt chuẩn NTM; 12 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; tỉnh Kon Tum (cũ) có 51 xã đạt chuẩn NTM; 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 4 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Thực hiện Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Ngãi có 86 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới; qua rà soát theo nguyên tắc, xác định xã đạt chuẩn nông thôn mới thì trên địa bàn tỉnh dự kiến có 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Một số khó khăn, vướng mắc:

Các xã miền núi khi đạt chuẩn NTM sẽ chuyển từ khu vực III xuống khu vực I. Theo quy định, người dân sẽ bị ảnh hưởng đến các chế độ an sinh xã hội như bảo hiểm y tế, hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hay chế độ cho học sinh, sinh viên... Điều này tạo ra áp lực rất lớn cho người dân và chính quyền trong việc duy trì thành quả.

Các xã sau sáp nhập gặp khó khăn trong thực hiện một số tiêu chí nông thôn mới như: (1) Về quy hoạch: Sau sáp nhập quy hoạch tổng thể của các xã cũ có thể không còn phù hợp; việc rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch cần thời gian, nguồn lực và phải đảm bảo tính đồng bộ, gắn kết giữa các khu vực. (2) Về giao thông: Tổng chiều dài đường giao thông (trục xã, liên xã, đường xóm, ngõ xóm) tăng lên đáng kể, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, mở rộng và bê tông hóa đạt chuẩn; (3) Về tiêu chí môi trường: Việc quản lý môi trường, thu gom và xử lý rác thải trở nên phức tạp hơn do địa bàn sau sáp nhập rộng lớn hơn và mật độ phân bố dân cư sống phân tán, gây khó khăn trong công tác tổ chức và triển khai các giải pháp môi trường.

2.3. Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 và Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.4. Một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới:

Tiếp tục tuyên truyền để người dân hiểu rõ vai trò chủ thể trong xây dựng NTM, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước. Phát huy vai trò sức ảnh hưởng của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số để vận động nhân dân phát triển kinh tế và giảm nghèo. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và cộng đồng dân cư để đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả của nguồn vốn đầu tư.

Xây dựng kế hoạch hoạch bảo đảm sát với nhu cầu thực tế; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư, tránh để mất vốn, kiên quyết không làm phát sinh nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, bền vững; hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, dịch vụ du lịch cộng đồng đặc sắc, gắn với thế mạnh của từng địa phương theo hướng xanh, bền vững. Ưu tiên hỗ trợ mô hình sản xuất hiệu quả cho hộ nghèo, cận nghèo, phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Chỉ tiêu: Đến năm 2030, phần đầu cơ bản không còn hộ nghèo

3.1. Kết quả thực hiện rà soát hộ nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh Quảng Ngãi đến cuối năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 là 2,50%, tương ứng 13.594 hộ nghèo, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi 4,09%, tỷ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng, hải đảo 1,32%.

3.2. Một số khó khăn, vướng mắc:

Phần lớn số hộ nghèo còn lại chủ yếu là nhóm lõi nghèo, nội tại của hộ nghèo, phần lớn là hộ già neo đơn, không có khả năng lao động; nhiều hộ mới tách hộ, thu nhập chưa ổn định; một số gặp biến cố đột xuất như tai nạn lao động, tai nạn giao thông làm mất nguồn thu nhập chính; trong năm đã có sự ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, dịch bệnh, như dịch tả lợn Châu Phi gây thiệt hại lớn cho các hộ chăn nuôi; tình trạng mất mùa, năng suất thấp, giá vật tư tăng cao, thiếu đất và công cụ sản xuất tiếp tục ảnh hưởng đến thu nhập; thiên tai, bão lũ và sạt lở đất nhiều đợt tại vùng miền núi gây hư hỏng tài sản và làm gián đoạn sinh kế.

Công tác chỉ đạo ở một số xã/thôn chưa thật sự quyết liệt; trách nhiệm người đứng đầu chưa rõ nét; giải pháp hỗ trợ còn chung chung, chưa sát nhu cầu từng nhóm hộ nghèo, cận nghèo; việc theo dõi, cập nhật biến động đời sống hộ nghèo chưa thường xuyên, dẫn đến chưa kịp thời đề xuất biện pháp hỗ trợ phù

hợp; ngoài ra, công tác rà soát, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch về giảm nghèo còn chưa sát với thực tế, dẫn đến số dự kiến đạt được cao hơn so với thực tế.

3.3. Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

3. 4. Một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới:

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh (*giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030*). Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều; tập trung phát triển sinh kế, nâng cao năng lực tự chủ, tự vươn lên của người nghèo.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; căn cứ vào tình hình thực tế, tham mưu bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các địa bàn khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các chính sách tín dụng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giảm nghèo: Ứng dụng công nghệ số trong quản lý thông tin hộ nghèo, hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến. Hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận kỹ năng số, thương mại điện tử, chuyển đổi sản xuất theo hướng số hóa.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở các cấp, các ngành. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong công tác giám sát, phản biện xã hội. Kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân làm tốt, đồng thời có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình

4. Chỉ tiêu: Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, phần đầu 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Hiện nay, quỹ đất ở và đất sản xuất trên địa bàn các địa phương không có hoặc không đảm bảo để thực hiện chính sách. Nhiều địa phương không còn quỹ đất công để giao, đặc biệt là đất sản xuất. Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, dự án thủy lợi, thủy điện, khai thác

khoáng sản...; hàng năm xảy ra lũ quét, sạt lở làm giảm nhiều diện tích đất sản xuất. Các dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư, việc thực hiện các dự án chỉ đầu tư tại một số thôn, xã đặc biệt khó khăn (không phải tất cả các xã trên địa bàn tỉnh). Vì vậy, vẫn còn tình trạng thiếu cục bộ tại một số địa phương; quá trình vận động hộ dân thuộc đối tượng để sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại các điểm dân cư tập trung còn gặp một số rào cản về phong tục, tập quán, thành phần dân tộc, văn hóa, thói quen sinh hoạt trong một thôn, làng. Việc xây dựng quy hoạch đất ở, đất sản xuất cho người dân, đất biệt là đất ở, đất sản xuất cho người dân tộc thiểu số phải phù hợp với quy hoạch tổng thể địa phương, khả năng quỹ đất, phong tục tập quán, và an toàn thiên nhiên; đảm bảo đời sống bền vững và an ninh quốc phòng.

5. Chỉ tiêu: Phấn đấu đến năm 2030, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.085 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, **561 thôn** đặc biệt khó khăn; **65 xã** vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm: 07 xã khu vực I, 10 xã khu vực II và 48 xã khu vực III.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, CCPTNT (Trà).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

A Byot